

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1484** /UBND-TH
V/v báo cáo quyết toán kinh
phí thực hiện chính sách hỗ
trợ tiền ăn trưa trẻ em mẫu
giáo năm 2018 trên địa bàn
tỉnh Bình Định

Bình Định, ngày **26** tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 1017/BTC-NSNN ngày 22/01/2019 về việc báo cáo kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội từ năm 2018 trở về trước;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ năm 2018, cụ thể như sau:

1. Kinh phí đã thực hiện năm 2018: 14.721 triệu đồng, với chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện năm 2018: 19.960 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí năm 2017 chuyển sang năm 2018 theo Công văn số 10205/BTC-NSNN ngày 22/8/2018 của Bộ Tài chính: 2.547 triệu đồng

- Kinh phí đã bố trí trong định mức dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương: 15.776 triệu đồng;

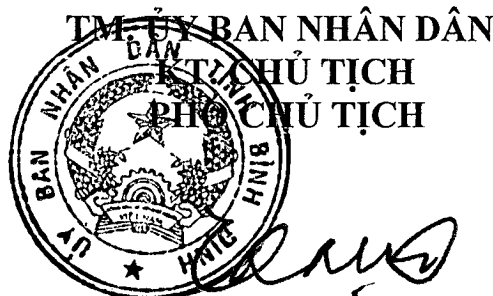
- Kinh phí ngân sách Trung ương đã bổ sung mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2018 theo Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính: 1.637 triệu đồng.

3. Kinh phí còn lại chuyển sang năm 2019: 5.239 triệu đồng.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở TC, GDĐT;
- CVP, PVPVX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7.



Phan Cao Thắng





PHỤ LỤC
TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA CHO TRẺ EM MẪU GIÁO TUỔI NĂM 2018
 (Kèm theo Công văn số 1481/UBND-TH ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

ST T	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số lượng trẻ em	Trong đó		Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập	
A	B	1 = (2) + (3)	2	3	4 = (5) + (6)	5	6	
	Tổng kinh phí thực hiện năm 2018				14.721	14.013	708	
I	Học kỳ II năm học 2017-2018	13.258	12.623	635	7.716	7.316	400	
1	Thành phố Quy Nhơn	67	64	3	35,73	34	2	
2	Thị xã An Nhơn	130	130		82	82	-	
3	Huyện Tuy Phước	519	519		274	274	-	
4	Huyện Tây Sơn	289	289		173	173	-	
5	Huyện Phù Cát	2.184	2.182	2	1.350	1.349	1	
6	Huyện Phù Mỹ	2.596	2.596		1.608	1.608	-	
7	Huyện Hoài Ân	337	337		209	209	-	
8	Huyện Hoài Nhơn	3.441	2.811	630	1.768	1.371	397	
9	Huyện Vân Canh	1.299	1.299		781	781	-	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	987	987		591	591	-	
11	Huyện An Lão	1.409	1.409		845	845	-	
II	Học kỳ I năm học 2018-2019	12.884	12.331	553	7.005	6.697	307	
1	Thành phố Quy Nhơn	48	44	4	27	24	2	
2	Thị xã An Nhơn	95	95		53	53	-	
3	Huyện Tuy Phước	501	501		279	279	-	
4	Huyện Tây Sơn	478	477	1	266	265	1	
5	Huyện Phù Cát	2.049	2.045	4	1.139	1.137	2	
6	Huyện Phù Mỹ	2.524	2.524		1.403	1.403	-	
7	Huyện Hoài Ân	310	310		169	169	-	
8	Huyện Hoài Nhơn	2.446	1.902	544	1.355	1.053	302	
9	Huyện Vân Canh	1.579	1.579		832	832	-	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	1.481	1.481		823	823	-	
11	Huyện An Lão	1.373	1.373		659	659	-	

Handwritten signature